

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 868/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Giáp Nguyễn Liễu L, sinh năm 1991

Thường trú: Đường T, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: đường L, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Trần Văn D, sinh năm 1987

Thường trú: khu phố M, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: đường Q, khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Giáp Nguyễn Liễu L trình bày:

Bà L và ông Trần Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại địa chỉ Đường T, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ban đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D không tin tưởng vợ, luôn sống trong quá khứ, lúc nào cũng nghi ngờ vợ. Hai bên có ngồi lại nói chuyện nhiều lần nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn và cũng xuất phát từ sự nghi ngờ, không tin tưởng vợ.

Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà L không còn quan tâm đến cuộc sống của ông D. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: Bà L và ông D có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/12/2016, hiện đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông D và bà L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình vợ. Ban đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến ngày 16/11/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L nói dối là đi làm thêm ở công ty nhưng không có làm thêm. Sau đó, vợ chồng có cãi vã nhau. Bản thân ông D cũng đã biết lỗi vì cư xử không khéo làm ảnh hưởng tình cảm vợ chồng và mong bà L bỏ qua, tuy nhiên, bà L không chịu. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ ngày 30/11/2017. Trong thời gian ly thân, ông D vẫn đến thăm con và muốn hàn gắn với bà L nhưng bà L không đồng ý. Nay ông D xác định vẫn còn tha thiết thương yêu vợ con nên yêu cầu được đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông D và bà L có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/12/2016, hiện đang do bà L nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn, ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa:

Bà Giáp Nguyễn Liễu L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông D vì bà L đã không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông D; Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Trần Văn D không đồng ý ly hôn vì thương con, muốn con có gia đình đầy đủ cả cha và mẹ. Trường hợp phải ly hôn, ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên, Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Giáp Nguyễn Liễu L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn D. Bị đơn ông D đang cư trú tại đường Q, khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Giáp Nguyễn Liễu L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Giáp Nguyễn Liễu L và ông Trần Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/10/2016 và được Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 57. Căn cứ Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Theo Văn bản số 502/LĐTB ngày 09/4/2019 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Thủ Đức thì cuộc sống vợ chồng của bà L và ông D đã phát sinh mâu thuẫn.

Hơn nữa, trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông D vì bà L đã không còn tình cảm với ông D và hiện tại bà L, ông D đã không còn chung sống với nhau, mỗi bên đều có cuộc sống riêng của mình, cuộc sống vợ chồng giữa hai bên đã không còn tồn tại trên thực tế. Một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là hôn nhân tự nguyện. Ông D yêu cầu được đoàn tụ gia đình nhưng bà L không đồng ý và đã thể hiện ý chí kiên quyết ly hôn. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông D đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

- Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh số 348/TLKS-BS ngày 23/12/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Phú Nhuận, bà L và ông D có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/12/2016.

Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Xét, con chung hiện chưa đủ 36 tháng tuổi đang được bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên đương sự đều xác nhận trong thời gian vợ chồng ly thân thì bà L vẫn đảm bảo điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Đồng thời, để ổn định cuộc sống của con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, không chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông D.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông D không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông D xác định thu nhập hàng tháng là 10.000.000 đồng.

Theo Khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Xét, mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cũng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con chung trong điều kiện bình thường và cũng phù hợp với khả năng thực tế của ông D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng mà bà L yêu cầu, buộc ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên bà L, ông D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giáp Nguyễn Liễu L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Giáp Nguyễn Liễu L và ông Trần Văn D.

1.2 Về con chung: Bà Giáp Nguyễn Liễu L và ông Trần Văn D có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/12/2016.

Giao con chung tên Trần Minh T cho bà Giáp Nguyễn Liễu L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con chung Trần Minh T mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con chung Trần Minh T đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Giáp Nguyễn Liễu L có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Trần Văn D chưa thi hành, thì hàng tháng ông Trần Văn D còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Giáp Nguyễn Liễu L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0038249 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Giáp Nguyễn Liễu L, ông Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu